

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HS-ST

Ngày: 14/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH L

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Hữu Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải

Ông Phạm Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C Đ, tỉnh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C Đ, tỉnh L tham gia phiên tòa:
Ông Đỗ Ngọc Lợi - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C Đ, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Tuấn K, sinh năm: 1996 (Tên gọi khác: Hiếu); Nơi ĐKNKTT và cư trú hiện nay: Ấp 5, xã P, huyện C Đ, tỉnh L; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ học vấn: 05/12; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Nguyễn Thanh Th và bà: Đặng Thị B; Vợ: Bùi Thị Hồng V; Có 01 người con, sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/5/2020 đến ngày 12/11/2020, **có mặt tại phiên tòa.**

Bị hại:

1/ Anh Dương Vĩnh T, sinh năm: 1986;

2/ Chị Cao Thị Kim Th, sinh năm: 1985;

Cùng địa chỉ: Khu 3, thị trấn C Đ, huyện C Đ, tỉnh L.

3/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Ấp 1, xã P, huyện C Đ, tỉnh L.

4/ Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm: 1984;

5/ Chị Đặng Thị Thu M, sinh năm: 1985;

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã P, huyện C Đ, tỉnh L.

6/ Ông Nguyễn Đ, sinh năm: 1958;

7/ Bà Huỳnh Kim Y, sinh năm: 1956;

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã T L, huyện C Đ, tỉnh L.

8/ Ông Lưu Văn Tr, sinh năm: 1966;

9/ Bà Lê Thị R, sinh năm: 1967;

Cùng địa chỉ: Số 11A, tổ 1, Khu 4, thị trấn C Đ, huyện C Đ, tỉnh L.

Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Bùi Thị Hồng V, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Ấp 5, xã P, huyện C Đ, tỉnh L.

2/ Ông Bùi Văn Lâu, sinh năm: 1968;

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T C, huyện C Đ, tỉnh L.

(Bị cáo, *anh T, ông Tr, chị V, ông Lâu có mặt; những người khác vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi của bị cáo: Trong thời gian từ cuối năm 2019 đến ngày 11/3/2020, Nguyễn Tuấn K có nghề nghiệp là công nhân, đã một mình thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện C Đ, cụ thể:

Lần 1: Rạng sáng ngày 13/8/2019, trên đường đi làm từ Cần Giuộc về C Đ, K điều khiển xe biển số 62L1 - 426.91 lưu thông trên QL50, ngang qua quán ăn “KEN” của chị Nguyễn Thị H thuộc Ấp 1, xã P. K thấy trước quán có 01 thùng loa hiệu KOZIO và 02 micro hiệu MIO, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt đem về sử dụng. K dùng kim có sẵn trong cốp xe, cắt dây cáp khóa cửa rào lưới B40, vào lấy tài sản trên đem về nhà cất giấu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/KL - HĐĐGTS ngày 04/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C Đ kết luận: 01 thùng loa hiệu KOZIO và 02 micro hiệu MIO giá 7.581.000đ.

Lần 2: Rạng sáng ngày 22/12/2019, trên đường đi làm từ Cần Giuộc về C Đ, K điều khiển xe biển số 62L1 - 426.91 lưu thông trên QL50. Khi đến quán của anh Nguyễn Hoàng L thuộc Ấp 3, xã P, thấy quán không có người trông giữ, K tìm xung quanh thấy 01 thanh sắt đẹp dài khoảng 20cm nằm bên hông quán, lấy thanh sắt cạy bung tay cầm cửa kính, đột nhập vào quán lấy 01 thùng loa hiệu TXOBR và 02 micro hiệu MIO, rồi kêu vợ là Bùi Thị Hồng V đến khiêng phụ bỏ lên xe, chở về nhà.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 22/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C Đ kết luận: 01 thùng loa hiệu TXOBR và 02 cái micro hiệu MIO giá 9.137.000đ.

Lần 3: Rạng sáng ngày 09/01/2020, trên đường đi làm về K điều khiển xe biển số 62L1-426.91 đến quán cà phê của anh Nguyễn Đ ngụ ập X , xã T L, thấy trong quá có dàn chỉnh nhạc gồm: 01 Miesen hiệu EFX; 01 dàn lọc hiệu DSP-K5; 01 cái Men hiệu PV-7200; 01 đầu thu micro hiệu CA18. K nảy sinh ý định chiếm đoạt, dựng xe trước cửa quán, cửa rào bằng lưới B40 có khóa, dùng tay nâng cửa rào ra khỏi bản lề, cánh cửa rào ngã xuống, K đi vào lấy trộm tài sản nêu trên đem về nhà cất giấu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 14/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C Đ kết luận: dàn chỉnh nhạc trên trị giá 8.292.000đ.

Lần 4: Khoảng 22 giờ ngày 31/01/2020, trên đường đi làm về K điều khiển xe biển số 62L1-426.91 đi ngang qua nhà của anh Lưu Văn Tr tại khu 4, thị trấn C Đ, thấy 04 loa màu đen hiệu JBL, cao 65cm, rộng 45cm để ở ban công trước cửa nhà, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt đem về sử dụng. K dựng xe trước cửa nhà, lợi dụng nhà không có cửa rào, K đi vào lấy 01 loa để lên yên xe chở về nhà, tiếp tục quay trở lại 03 lần, lấy 03 loa như trên chở về nhà.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 29/KL-HĐĐGTS ngày 23/4/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C Đ kết luận: 04 loa trên trị giá 8.840.000đ.

Lần 5: Khoảng 24 giờ 00 phút ngày 10/3/2020, K điều khiển xe biển số 62L1 - 426.91 đi làm về nhà. Trên đường về đến khu vực cầu Chợ Trạm, K dừng xe đi vệ sinh, thấy trước cửa tiệm sửa xe (không rõ biển hiệu) có nhiều thanh sắt, K nhặt một thanh sắt tròn dài 0,67m, Ø 10 (loại có ren) để trên ba ga xe, rồi chạy đến cửa hàng điện thoại di động (ĐTĐĐ) Gia Dương thuộc Khu 3, thị trấn C Đ với ý định dùng thanh sắt bẻ khóa đột nhập vào cửa hàng vì trước đó K đến cửa hàng để sửa điện thoại và biết được cửa hàng thường khóa ngoài vào ban đêm. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 11/3/2020, K dựng xe trước cửa hàng điện thoại di động Gia Dương, rồi dùng đoạn sắt nhặt được cạy phá, làm khoen cửa hai ổ khóa cửa nhôm bị gãy, rồi mở cửa đột nhập vào cửa hàng. K sử dụng ĐTĐĐ hiệu OPPO rọi tìm tài sản, thấy tủ kính trưng bày điện thoại có sẵn chìa khóa, mở ra lục soát phát hiện thấy toàn là vỏ điện thoại nên không lấy, K đi đến chỗ bàn sửa chữa điện thoại lấy một máy tính xách tay màu đen hiệu ASUS cầm trên tay và lấy 02 ĐTĐĐ hiệu SAMSUNG A7 và VSMART, cất giấu vào túi quần. Tiếp tục, K đi lên gác, để máy tính xách tay lại bàn sửa điện thoại, thấy một tivi màu đen màn hình phẳng, 21 inch hiệu ASANZO; một đầu thu kỹ thuật số hiệu FPT Play và chuột điện tử hiệu SAMSUNG đem tất cả đi ra ngoài, khép cửa lại, vứt thanh sắt trước cửa hàng, rồi lên xe chở tài sản vừa lấy về để ở nhà sau. Đến sáng ngày 11/3/2020, Công an huyện C Đ mời K lên làm việc, K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 33;38/KL-HĐĐGTS ngày 29/4/2020 và ngày 29/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C Đ thì điện thoại di động màu bạc SAMSUNG A7 có giá là 980.000đ; 01 ĐTDĐ màu đen hiệu VSMART giá 2.957.000đ; 01 tivi màu đen 21 inch hiệu ASANZO giá 912.000đ; 01 đầu thu kỹ thuật số hiệu FPT Play và chuột điện tử hiệu SAMSUNG giá 599.000đ; 01 máy vi tính xách tay (laptop) màu đen hiệu ASUS trị giá 1.724.000đ. Tổng trị giá tài sản trộm cắp tại cửa hàng ĐTDĐ Gia Dương là 7.172.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Tuấn K khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng đã nêu trên. Bị cáo bị truy cứu về tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, không oan sai. Bị cáo không có ý kiến về Kết luận định giá tài sản; Lời khai của những người bị hại và lời khai của những người làm chứng vắng mặt mà Hội đồng xét xử công bố tại phiên tòa. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, bị cáo tự nguyện khai báo; không có ai đe dọa, cưỡng ép.

Người bị hại ông Lưu Văn Tr và anh Dương Vĩnh T có lời trình bày tại Cơ quan cảnh sát điều tra và tại phiên tòa: Phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, phù hợp với diễn biến sự việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Những người bị hại vắng mặt có lời trình bày tại Cơ quan cảnh sát điều tra: phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, phù hợp với diễn biến sự việc bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Lâu, chị Bùi Thị Hồng V trình bày tại phiên tòa như diễn biến sự việc đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 22/CT-VKSCĐ ngày 20/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C Đ, tỉnh L truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Tuấn K đủ yếu tố cấu T tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K từ 02 năm đến 03 năm tù; Đề nghị miễn phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập.

Ý kiến của bị cáo về quyết định truy tố của Viện kiểm sát: Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Người bị hại: Anh T xin cho bị cáo hưởng án treo, ông Tr xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong lời nói sau cùng: Bị cáo không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét nội dung vụ án:

[2.1] Trong thời gian từ cuối năm 2019 đến ngày 11/3/2020, Nguyễn Tuấn K lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản, lén lút đột nhập vào nhà của người khác trên địa bàn huyện C Đ để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Nguyễn Thị H trị giá 7.581.000đ; anh Nguyễn Hoàng L trị giá 9.137.000đ; ông Nguyễn Đ trị giá 8.292.000đ; ông Lưu Văn Tr trị giá 8.840.000đ; anh Dương Vĩnh T trị giá 7.172.000đ. Tổng tài sản mà bị cáo K chiếm đoạt trị giá 41.022.000đ.

Hành vi của bị cáo đã cấu T tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình Sự, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện C Đ, tỉnh L đối với bị cáo là có căn cứ. Chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa, tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

[2.2] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[2.3] *Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Sau khi phạm tội trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thể hiện thái độ T khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự thú đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; chưa có tiền án, tiền sự; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình so với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[2.4] *Xét hình phạt đối với bị cáo*:

Về hình phạt chính: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người bị hại; tác động xấu đến nếp sống văn minh lành mạnh; gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là một thanh niên có sức khỏe, đáng lẽ bị cáo chăm chỉ lao động để phục vụ nhu cầu bản thân, chăm lo cho gia đình, góp phần ổn định xã hội, gìn giữ an ninh trật tự chung. Nhưng bị cáo lại thực hiện những hành vi mà pháp luật nghiêm cấm, trái với các chuẩn mực đạo đức xã hội. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm mới đủ sức răn đe phòng ngừa chung, đảm bảo tính nghiêm minh công bằng của pháp luật; đồng thời giáo dục bị cáo T người có ích cho gia đình và xã hội. Với tính chất hành vi, khả năng nhận thức của bị cáo, mức độ hậu quả mà bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục.

[2.5] *Xét hình phạt bổ sung*: Bị cáo có thu nhập thấp, có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên miễn phạt tiền theo quy định tại khoản 5 các Điều 173 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[3] *Xét trách nhiệm dân sự*: Các bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét.

[4] Về vật chứng: 01 đoạn sắt tròn dài 0,67m, Ø 10 (loại có ren) bị cáo dùng vào việc phạm tội nên chấp nhận đề nghị của viện kiểm sát: tịch thu tiêu hủy. Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án huyện C Đ đang tạm giữ theo biên bản giao nhận **vật chứng ngày 21/7/2020**.

[5] *Về án phí*: Bị cáo Nguyễn Tuấn K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Đối với Bùi Thị Hồng V có giúp đỡ khiêng thùng loa để lên xe vào ngày 22/12/2019, nhưng V không biết đây là tài sản trộm cắp vì K nói mua của một người bạn bán lại với giá rẻ, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện C Đ không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với V, là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ vào Điều 135; Điều 106, khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 332; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tuấn K, phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn K 01 năm 10 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án.

Miễn phạt tiền cho bị cáo Nguyễn Tuấn K theo quy định tại khoản 5 điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn sắt tròn dài 0,67m, Ø 10 (loại có ren). Vật chứng hiện Chi cục Thi hành án huyện C Đ đang tạm giữ theo biên bản giao nhận **vật chứng ngày 21/7/2020**.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Tuấn K phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được Tòa án niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người bào chữa (Nếu có);
- Người có QLNVLQ (Nếu có);
- VKSND huyện C Đ;
- VKSND tỉnh L;
- Cơ quan CSĐT CA huyện C Đ;
- Nhà tạm giữ Công an huyện C Đ;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Cơ quan Thi hành án Dân sự;
- Lưu: Ấn văn, Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HUỲNH HỮU NGHĨA

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn Th theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, T phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, T phố) gì thuộc tỉnh, T phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, T phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, T phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân T phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy

định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn Đ đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các T viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)